

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2021

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hưng; Ông Dương Viết Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp-Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Bị đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

- Nguyên đơn anh H trình bày: Anh và chị Dương Thị H có quen biết và tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và chung sống như vợ chồng từ năm 1991. Đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống không có tiếng nói chung và nhiều nguyên nhân khác ..., vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa, anh và chị H đã ly thân nhau khoảng 02 năm nay. Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Dương Thị H.

Về con chung: Có 03 con là Dương Thị Hoài T, sinh năm 1992; Dương Thị H, sinh năm 1996 và Dương Thị H, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, đều đã kết hôn và ở riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Dương Văn H và chị Dương Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Dương Văn H và chị Dương Thị H đều xác định không có.

- *Bị đơn chị H trình bày:* Chị và anh Dương Văn H tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, sau khi cưới chúng tôi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến nay. Hiện nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H đi ngoại tình với người phụ nữ dẫn đến tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nếu anh H kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và không công nhận quan hệ vợ chồng tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Có 03 con là Dương Thị Hoài T, sinh năm 1992; Dương Thị H, sinh năm 1996 và Dương Thị H, sinh năm 1998. Hiện nay các con trưởng thành trên 18 tuổi, đều đã kết hôn và ở riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Dương Thị H và anh Dương Văn H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Dương Thị H và anh Dương Văn H đều xác định không có.

- *Tại phiên tòa hôm nay:* Nguyên đơn anh Dương Văn H và bị đơn chị Dương Thị H vẫn bảo lưu ý kiến của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn tình cảm, để đoàn tụ gia đình. Nhưng nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm giải về quyết ly hôn theo pháp luật. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn, do anh Dương Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Dương Thị H có địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị H có quen biết tìm hiểu nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới theo tập quán nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các biên bản hòa giải, chị H đồng ý ly hôn với anh H. Tuy nhiên, anh H và chị H sống chung như vợ chồng từ năm 1991 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp, không được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh H và chị H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Dương Văn H và chị Dương Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Anh H và chị H đều xác định có 03 con là: Dương Thị Hoài T, sinh năm 1992; Dương Thị H, sinh năm 1996 và Dương Thị H, sinh năm 1998. Hiện nay các con trưởng thành trên 18 tuổi, đều đã kết hôn và ở riêng nên không yêu cầu xem xét giải quyết

- Về tài sản chung: Anh H và chị H tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H và chị H đều xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Văn H là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 24; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Dương Văn H và chị Dương Thị H.

2. Về con chung: Dương Thị Hoài T, sinh năm 1992; Dương Thị H, sinh năm 1996 và Dương Thị H, sinh năm 1998. Hiện nay đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh H và chị H tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Buộc anh Dương Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0000075 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

6. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

